

Bản án số: 29/2021/KDTM-ST
Ngày: 11-05-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mây;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2020/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2021/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TT

Địa chỉ: Lô 7, đường 19A KCN BH 2, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đức, sinh năm 1988, địa chỉ: 513 Huỳnh Văn Nghệ, Khu phố 3, phường LB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền không số ngày 01/10/2020).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Ô tô LA

Địa chỉ: C6/3 đường TTH21, Khu phố 3, phường TTH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Huy Tuấn Anh, sinh năm 1990, địa chỉ liên lạc: C6/3 đường TTH21, Khu phố 3, phường TTH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo pháp luật.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 23/12/2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn TT (Sau đây gọi là công ty TT) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Ô tô LA (Sau đây gọi là công ty LA) ký Hợp đồng mua bán số 231219/HĐMB/TT với dung như sau:

Công ty TT mua của công ty LA 01 chiếc xe bồn chuyên dụng 18 khối, nhãn hiệu ISUZU CYZ, biển kiểm soát 60C.535.02; Giá trị hợp đồng là 1.510.000.000 đồng. Số tiền trên được thanh toán làm 03 đợt: Đợt 1: Thanh toán 60.000.000 đồng khi ký hợp đồng (Ngày 23/12/2019); Đợt 2: Thanh toán 695.000.000 đồng trong 02 ngày sau khi nghiệm thu xe nền; Đợt 3: Thanh toán 755.000.000 đồng trước khi nhận xe chính thức và hoàn thiện hồ sơ bàn giao. Thời hạn giao xe là trong 30 ngày làm việc, kể từ ngày bên mua hoàn tất thanh toán đợt hai nhưng không quá 40 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán tiền đợt 01.

Thực hiện hợp đồng, công ty TT đã thanh toán tiền mua xe cho công ty LA thành 03 lần:

- Lần 01: Ngày 26/12/2019, số tiền 60.000.000 đồng;
- Lần 02: Ngày 14 tháng 01 năm 2020, số tiền 695.000.000 đồng;
- Lần 03: Ngày 03 tháng 4 năm 2020, số tiền 300.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền là 1.055.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi công ty TT thanh toán tiền mua hàng, công ty LA đã không giao xe theo đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 06/8/2020 giữa hai bên, công ty LA cam kết ngày 14/8/2020 sẽ bàn giao xe và giấy tờ đầy đủ, nếu sau thời hạn này không bàn giao được sẽ thanh lý hợp đồng, trả lại tiền và chịu lãi theo quy định. Quá thời hạn cam kết, công ty LA vẫn không giao được xe và giấy tờ.

Ngày 08/9/2020, công ty TT đã có văn bản gửi công ty LA, theo đó, công ty TT yêu cầu công ty LA trả lại số tiền đã thanh toán và chấm dứt hợp đồng nhưng bị đơn trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

Nay, công ty TT yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 231219/HĐMB/TT ngày 23/12/2019 đã ký giữa công ty TT và công ty LA. Đồng thời, yêu cầu công ty LA phải trả lại cho công ty TT số tiền mua xe là 1.055.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, tạm tính từ ngày 15/08/2020 đến ngày 11/5/2021 là 72.546.667 đồng theo mức lãi suất 9.33%/năm. Đồng thời, công ty LA phải trả cho công ty TT tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực cho đến khi trả xong khoản tiền nói trên.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến tòa cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn khởi kiện của phía nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến

như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Các yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán số 231219/HĐMB/TT ngày 23/12/2019. Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng và trả lại tiền mua hàng theo Hợp đồng mua bán mà các bên đã ký kết. Bị đơn có địa chỉ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019), khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng :

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không rõ lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu hủy hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu trả tiền mua hàng của nguyên đơn:

Hợp đồng mua bán số 231219/HĐMB/TT do đại diện hợp pháp của hai bên ký kết ngày 23/12/2019 thể hiện sự tự nguyện của các bên, nội dung không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng.

Căn cứ vào Ủy nhiệm chi các ngày 26/12/2019, 14/01/2020 và 03/4/2020 có cơ sở xác định, công ty TT đã thanh toán tiền mua chiếc xe cho công ty LA tổng số tiền là 1.055.000.000 (Một tỷ không trăm năm mươi lăm triệu) đồng. Theo biên bản làm việc giữa các bên ngày 06/8/2020 thì chậm nhất là ngày 14/8/2020, công ty LA phải bàn giao xe và đầy đủ giấy tờ cho công ty TT. Tuy nhiên, sau ngày này, phía bên công ty LA vẫn không thực hiện cam kết của mình. Điều đó thể hiện, công ty LA đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giao xe của mình theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng. Căn cứ vào các điều 34, 312 và 314 của Luật Thương mại 2005 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019), điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán số 231219/HĐMB/TT ngày 23/12/2019 của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại

số tiền hàng mà bên nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn là 1.055.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi lăm triệu đồng).

[3.2] Xét yêu cầu về lãi chậm thanh toán:

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019) “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao xe mặc dù đã nhận tiền của nguyên đơn nên gây thiệt hại cho nguyên đơn, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại theo quy định tại các điều 314 và 316 Luật Thương mại 2005 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019). Do lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn khi gây thiệt hại cho nguyên đơn nên bị đơn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Yêu cầu của nguyên đơn về lãi chậm trả chính là thiệt hại. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019) chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn đến khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả tiền.

Tại thời điểm xét xử, mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) là 9%/năm, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank) là 9,5%/năm, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) là 9,5%/năm. Do đó, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng này là $(9\%/năm + 9,5\%/năm + 9,5\%/năm) : 3 \times 150\% = 13,99\%/năm$. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi theo mức lãi suất 9,33%/năm là thấp hơn lãi suất quy định của pháp luật nên chấp nhận mức lãi suất do nguyên đơn đưa ra.

Theo biên bản làm việc giữa các bên ngày 06/8/2020, chậm nhất là ngày 14/8/2020, công ty LA phải bàn giao xe và đầy đủ giấy tờ cho công ty TT. Tuy nhiên, đến nay, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Như vậy, sau ngày 14/8/2020 là ngày phát sinh thiệt hại. Lãi chậm trả tính từ ngày 15/8/2020. Từ ngày 15/8/2020 đến ngày 11/5/2021 là 270 ngày. Số tiền lãi chậm trả là: $1.055.000.000 \text{ đồng} \times 9,33\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 270 \text{ ngày} = 72.812.342 \text{ đồng}$. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi là 72.542.667 đồng là thấp hơn quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Buộc bị đơn phải trả lại tiền mua hàng và tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn, tổng số tiền là: $1.055.000.000 \text{ đồng} + 72.542.667 \text{ đồng} = 1.127.542.667 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là: $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 1.127.542.667 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng} = 45.826.280 \text{ đồng}$;

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 24, 305, 306, 312, 314 và 316 của Luật Thương mại năm 2005 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014);

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Hủy hợp đồng mua bán số 231219/HĐMB/TT ký ngày 23/12/2019 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn TT và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Ô tô LA.

1.2 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Ô tô LA phải trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn TT số tiền mua xe là 1.055.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn đến ngày 11/5/2021 là 72.542.667 (Bảy mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, tổng số tiền là 1.127.542.667 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

1.3 Kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Ô tô LA còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Ô tô LA phải chịu án phí là 45.826.280 (Bốn mươi lăm triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi) đồng;

2.2 Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn TT 21.840.825 (Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi ngàn tám trăm hai mươi lăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0105243 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh